

제 5 교시

제2외국어/한문 영역(베트남어 I)

성명

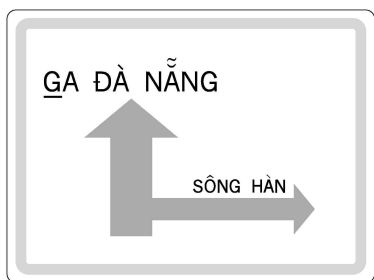
수험 번호

1. □에 들어갈 글자를 순서대로 조합하여 만들 수 있는 낱말은?
[1점]

□ia là chiếc x□ tôi □ượn của anh Long.

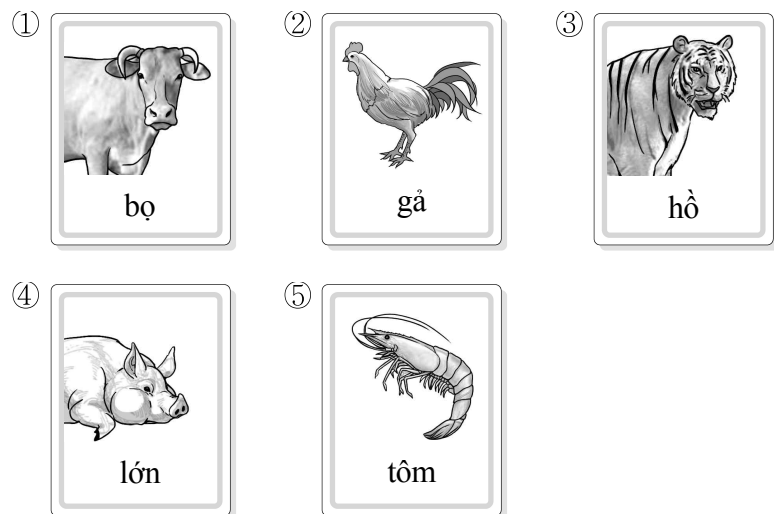
- ① Bún ② Cam ③ Đen ④ Kem ⑤ Món

2. 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은? [1점]



- ① cám ② ghế ③ kéo ④ phở ⑤ nghi

3. 그림에 해당하는 낱말의 성조 표기가 옳은 것은?

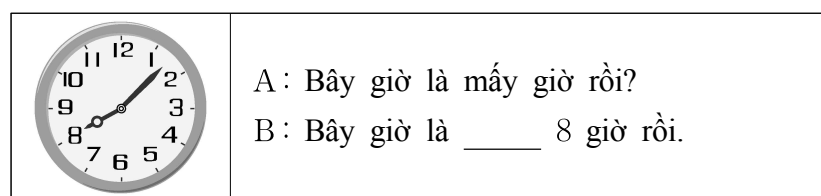


4. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

- Tôi _____ thầy khen vì làm bài tốt.
○ Dinh Thống Nhất _____ xây dựng xong vào năm 1871.

- ① bị ② vừa ③ định ④ được ⑤ từng

5. 그림으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① hơn ② kém ③ nửa ④ đúng ⑤ rưỡi

6. 문장 표현이 옳은 것만을 있는 대로 고른 것은?

- a. Cái túi xách màu trắng đây đẹp quá!
b. Cho tôi một tờ báo Tuổi trẻ hôm nay.
c. Hai con mèo mới mua của bạn ở đâu?

- ① a ② b ③ a, c ④ b, c ⑤ a, b, c

7. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A: Ở nhà tớ, tất cả (a) người đều thích bơi.
B: Thế à, vậy cậu hay đi bơi lắm nhỉ?
A: Ừ, tớ đi bơi khoảng 3 đến 4 lần (b) tuần.
B: Bơi rất tốt cho sức khỏe.

- | | | | |
|-------|-----|-------|-----|
| (a) | (b) | (a) | (b) |
| ① mỗi | mọi | ② mỗi | một |
| ③ một | mọi | ④ mọi | mỗi |
| ⑤ một | mỗi | | |

8. 문장 표현이 옳지 않은 것은?

- ① Anh nên giải thích để học sinh.
② Anh nên giải thích cho học sinh.
③ Anh nên giải thích để học sinh hiểu.
④ Anh nên giải thích cho học sinh hiểu.
⑤ Anh nên giải thích để cho học sinh hiểu.

9. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

- A: Anh Nam cao bằng anh Bình à?
B: Vâng, _____.

- ① anh hai bằng cả nhau cao
② bằng nhau cao hai anh cả
③ cả hai anh cao bằng nhau
④ cao cả anh bằng hai nhau
⑤ nhau hai bằng cao cả anh

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

- A: Áo sơ mi này bao nhiêu tiền?
B: 350.000 đồng.
A: Đắt quá! Chị bớt một chút đi.
300.000 đồng, được không?
B: _____. Chị bán cho em 300.000 đồng.

- ① Không được ② Giá cao quá
③ Thôi, cũng được ④ Chị không bán nữa
⑤ Chị không tìm thấy nó

11. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

A: Chị làm ơn chỉ cho em đường đến Lăng Bác.
B: Em đi thẳng đến cuối đường Điện Biên Phủ. Lăng Bác ở ngay gần đó.
A: Dạ, rất cảm ơn chị!
B: _____.

<보 기>

- a. Ủ, đi nhé
b. Không có gì
c. Chị không biết đâu
d. Cảm ơn em, chị cũng khỏe

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

12. 이력서의 내용으로 알 수 없는 것은?

LÝ LỊCH	
Họ và tên: Nguyễn Thị Hoa	
Tuổi: 35 Nam ☐ Nữ ☒	
Quốc tịch: Việt Nam	
Nơi ở: Số 2 Lê Lai, Vũng Tàu	
Nghề: Giáo viên	
Nơi làm việc: Trường Trung học Phổ thông Vũng Tàu	
Ngoại ngữ: Tiếng Hàn, tiếng Anh	

- ① Hoa dưới 40 tuổi.
② Hoa biết tiếng Hàn.
③ Hoa sống ở Vũng Tàu.
④ Hoa là giáo viên Văn học.
⑤ Hoa dạy ở trường trung học phổ thông.

13. 글의 내용과 일치하는 것은?

Tôi tên là Yu-mi. Tôi là sinh viên năm thứ nhất. Tôi sống một mình ở Asan. Gia đình tôi có năm người: bố mẹ, anh trai, chị gái và tôi. Bố tôi là kiến trúc sư. Mẹ tôi là y tá. Anh trai tôi là nhân viên công ty, còn chị gái tôi là sinh viên năm thứ ba. Anh trai tôi sắp kết hôn. Sau khi kết hôn, anh trai tôi sẽ sống ở nước ngoài.

- ① Yu-mi는 대학교 3학년이다.
② Yu-mi는 삼남매 중 막내이다.
③ Yu-mi의 아버지는 간호사이다.
④ Yu-mi의 가족은 모두 아산에 산다.
⑤ Yu-mi의 언니는 결혼 후 외국에서 살 것이다.

14. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



A: Anh có dùng gì thêm không ạ?
B: Không, cảm ơn. _____
A: Xin chờ một chút... Dạ, tất cả là 120.000 đồng.
B: Xin gửi chị tiền.

- ① Còn chị? ② Chị dùng gì ạ?
③ Tính tiền cho tôi. ④ Tôi muốn gọi phở.
⑤ Của chị là 120.000 đồng.

15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Minh Quân: Tôi muốn đặt vé máy bay từ Hải Phòng đi Nha Trang ngày 17 tháng này.
Cô bán vé: Dạ, anh đợi một chút. Ngày 17 vẫn còn vé. Anh muốn đặt vé khứ hồi không ạ?
Minh Quân: Không chị ạ. Tôi chỉ _____.
Cô bán vé: Dạ, vâng ạ.

- ① cần vé đi ② đặt vé khứ hồi
③ đặt cả đi cả về ④ muốn trả lại vé
⑤ bán vé máy bay

16. 대화의 내용으로 알 수 있는 것은?

A: Anh thuê được nhà rồi, phải không?
B: Vâng, nhà không rộng nhưng gần trung tâm, đi lại rất thuận tiện.
A: Giá thuê nhà thế nào?
B: Sáu triệu một tháng, kể cả tiền điện, tiền nước.

- ① A sẽ giúp B thuê nhà.
② B thuê nhà ở gần nhà A.
③ A thuê nhà ở gần trung tâm.
④ Giá nhà A thuê chưa kể tiền điện.
⑤ Nhà B thuê không rộng, đi lại thuận tiện.

17. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



A: Chào anh. Anh thấy trong người thế nào?
B: Dạ, tôi _____.
A: Anh bị bao lâu rồi?
B: Dạ, tôi bị từ sáng hôm nay.

- ① đi khám rồi
② thấy rất khỏe
③ muốn làm bác sĩ
④ khám bệnh cho chị nhé
⑤ nhức đầu và buồn nôn lắm

18. 글에서 대답을 찾을 수 없는 질문은?

Câu lạc bộ tiếng Hàn trường Đại học ABC mời các bạn đến với “Tuần phim Hàn Quốc” từ ngày 18/6 đến 24/6/2016. Địa điểm xem phim tại số 49 Nguyễn Du, Hà Nội. Chương trình không bán vé. Các bạn nhận vé mời ở phòng A-202 (Văn phòng câu lạc bộ) từ ngày 15/6 đến 17/6/2016.

- ① Tên phim là gì? ② Nhận vé mời ở đâu?
③ Nơi xem phim ở đâu? ④ Khi nào nhận vé mời?
⑤ Có phải mua vé không?

19. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은? [1점]

A: Đến giờ rồi, mình đi đây.
B: Ừ, mình cũng phải về. Tạm biệt bạn!
A: _____
B: Ừ, chào nhé.

—<보 기>—

- a. Tạm biệt! b. Mình cũng giỏi.
c. Bây giờ cùng học đi! d. Hẹn gặp lại ngày mai.

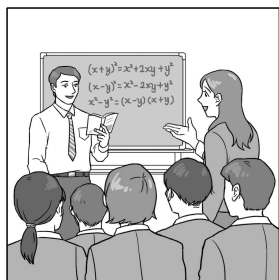
- ① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

20. 대화의 내용으로 알 수 있는 것은?

A: Cuối tuần này, bạn có rỗi không?
B: Không, mình phải chơi bóng rổ với em trai.
A: Em trai bạn thích chơi bóng rổ à?
B: Ừ, sở thích của em mình là bóng rổ mà.
Còn mình chỉ thích đọc sách và nghe nhạc.

- ① A thích bóng rổ.
② A và B đều thích đọc sách.
③ B và em trai B thích nghe nhạc.
④ Cuối tuần này, A và B sẽ chơi bóng rổ.
⑤ Chơi bóng rổ không phải là sở thích của B.

21. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은?



A: Thưa thầy, tuần sau lớp mình thi môn Toán, phải không ạ?
B: Đúng rồi. Các em _____ nhé.
A: Vâng, cả lớp sẽ cố gắng ạ.

—<보 기>—

- a. ôn thi kỹ b. bắt thầy thi
c. dạy môn Toán d. học bài chăm chỉ

- ① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

22. 대화의 내용으로 보아 Lan에 해당하는 사람은?

A: Chị Lan ơi, tôi đang đợi chị ở cửa A1 trong sân bay, chị ra chưa?
B: Tôi đang đi ra. Anh thấy tôi chưa?
A: Chị tóc dài và đeo kính, phải không ạ?
B: Đúng rồi. Tôi tóc dài, đeo kính và mặc áo ngắn tay.
A: À, tôi thấy chị rồi.

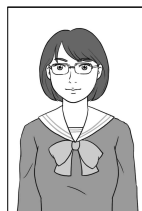
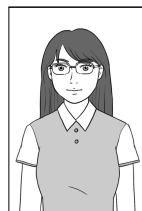
①

②

③

④

⑤



23. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A: Bạn đi Hội An rồi, phải không?
B: _____
A: _____
B: _____
A: Mình đi tháng 8 năm ngoái. Hội An đẹp thật!

—<보 기>—

- a. Bạn đi khi nào?
b. Mình chưa đi bao giờ.
c. Vậy à? Mình đi Hội An rồi.

- ① a - b - c ② a - c - b ③ b - a - c
④ b - c - a ⑤ c - b - a

24. 대화의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?

A: Mai ơi, quyển tiểu thuyết Số đỏ ở đâu?
B: Ở trên bàn, trong phòng ngủ của chị.
A: Chị tìm rồi mà không thấy.
B: À! Em đã để nó trên giá sách ở phòng khách.
A: Ừ... Chị thấy rồi.

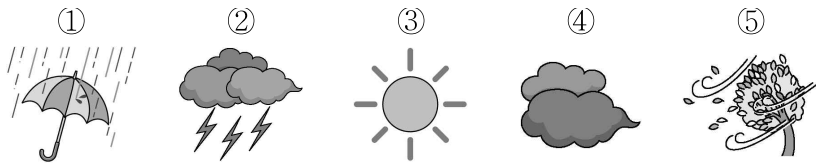
—<보 기>—

- a. Quyển Số đỏ đang ở trên giá sách.
b. B đã thấy quyển Số đỏ ở dưới bàn.
c. B đã để quyển Số đỏ trong phòng khách.
d. A đã thấy quyển Số đỏ trong phòng ngủ.

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

25. 대화의 내용으로 보아 오늘 오전의 날씨에 해당하는 그림은?
[1점]

A: Chiều hôm nay mưa to quá nhỉ!
B: Sáng trời nắng đẹp thế mà bây giờ lại mưa.
A: Mùa mưa mà! Đạo này, chiều hay mưa lắm.
Bạn có mang theo áo mưa không?
B: Ừ, có.



26. 글의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?

Vì quan niệm các số 7 và 3 có liên quan đến những việc không may mắn, người Việt thường nói: “Chớ đi ngày bảy, chớ về ngày ba”. Họ nghĩ là nếu đi làm gì vào ngày bảy âm lịch thì không được việc. Còn nếu ai đi xa, muốn về nhà vào ngày ba âm lịch thì việc đi về cũng không thuận tiện.

* quan niệm: 관념 * liên quan: ~와 관련되다
* chớ: ~하지 마라 * âm lịch: 음력

<보 기>

- a. Người Việt thường không đi đâu quá bảy ngày.
b. Người Việt nghĩ nên đi xa vào ngày bảy âm lịch.
c. Nhiều người Việt tin 7 và 3 là các số không may mắn.
d. Người Việt ở xa thường không thích về nhà vào ngày ba âm lịch.

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

27. 글의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?



Huế là một thành phố nhỏ nhưng đẹp và hấp dẫn của Việt Nam. Thành phố này là một trong những trung tâm văn hóa, lịch sử và du lịch.

Huế đã từng là thủ đô của triều đại Nguyễn, triều đại cuối của Việt Nam. Đến bây giờ Huế vẫn giữ được nhiều di tích quý mà triều đại này để lại.

* triều đại: 왕조 * di tích: 유적

<보 기>

- a. Các di tích quý vẫn còn nhiều ở Huế.
b. Huế không những đẹp mà còn hấp dẫn.
c. Huế luôn là thủ đô của các triều đại trong lịch sử.
d. Triều đại Nguyễn là triều đại đầu tiên của Việt Nam.

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

28. Tố Hữu에 관한 글에서 언급되지 않은 것은? [1점]

Nhà thơ Tố Hữu (1920 - 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở Thừa Thiên - Huế. Ông đã viết nhiều bài thơ với đề tài yêu nước như: *Từ ấy*, *Việt Bắc*... Tố Hữu đã có thời gian là Phó Thủ tướng của Việt Nam. Hiện nay, ở Việt Nam có đường phố mang tên ông.

* Phó Thủ tướng: 부수상

- ① 등단 시기 ② 실제 이름 ③ 작품 이름
④ 작품 주제 ⑤ 출생 연도

29. 수상 시장에 관한 글이다. 글의 내용으로 알 수 없는 것은?



Sông Cửu Long ở miền Nam Việt Nam nổi tiếng với nhiều chợ nổi như: Cái Răng, Cái Bè... Chợ nổi là chợ trên sông. Ở đó, người bán dùng thuyền để bán trái cây, rau, đồ ăn... còn người mua dùng thuyền để đi mua. Nhiều khách du lịch nước ngoài rất thích nơi này.

* miền: 지역 * chợ nổi: 수상 시장 * thuyền: 배

- ① 과일, 채소, 음식을 살 수 있다.
② 외국인 여행객들이 아주 좋아한다.
③ 물건값이 다른 시장보다 저렴하다.
④ 배를 타고 다니면서 물건을 사고판다.
⑤ Cái Bè 수상 시장은 베트남 남부에 있다.

30. 밑줄 친 부분과 의미가 가장 가까운 것은? [1점]

Người Việt có câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Khi ăn trái cây ngon, chúng ta nhớ đến những người đã vất vả trồng cây. Ở Việt Nam, ông bà cha mẹ thường dùng câu này để dạy con cháu không quên công lao của người đã giúp mình.

* kẻ: 사람 * trồng: 심다 * công lao: 공로

- ① 크게 될 나무는 떡잎부터 다르다.
② 도와준 사람의 은혜를 잊으면 안 된다.
③ 공들여 쌓은 탑은 쉽게 무너지지 않는다.
④ 과일은 어른이 먼저 드시도록 권해야 한다.
⑤ 베푼 은혜는 돌려받을 생각을 하지 않아야 한다.

* 확인 사항

○ 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인 하시오.